

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Về việc: Lý hôn, chia tài sản chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Em – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 983/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc: Lý hôn và chia tài sản chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thành B, sinh năm 1946 (có mặt)

Địa chỉ: Số 167, đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Đình C – Văn phòng luật sư Ngô Đình C Tộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Kim H, sinh năm 1953 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 167, đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1986 (có mặt)

- Bà Nguyễn Như Y, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bà Trần Thị T (xin vắng mặt)

- Ông Trần Văn S (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 42, đường M, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Thành B trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Phạm Kim H chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1977, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy Ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Từ khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2003 ông bị bệnh, sức khỏe yếu, không đi đâu và làm gì được, bà H ngược đãi, nhục mạ ông, quản lý hết tiền bạc, không lo lắng cho ông. Ông và bà H chung sống một nhà tại số 167, đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau nhưng mạnh ai nấy sống, nấu cơm ăn riêng, không trò chuyện, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, không hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung Tn Lê Hữu N – sinh năm 1979, Lê Kim D – sinh năm 1980 và Lê Kim L – sinh năm 1983. Nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, ông và bà H tạo lập được các tài sản chung và yêu cầu chia như sau:

+ Căn nhà và đất tại số 42, đường L, khóm M, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm N, phường T, thành phố C). Phần đất này là đất ven sông nên không được cấp quyền sử dụng đất. Căn nhà và đất này vợ chồng ông mua vào năm 1979, dùng làm cơ sở sản xuất nước chấm “Tàu vị yểu”, lấy bản hiệu là “Hiệp Hòa”. Hiện nay căn nhà và đất này đã cho vợ chồng ông Trần Văn S và bà Trần Thị T. Giá trị nhà và đất này là khoảng 500.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông đồng ý giao nhà và đất này cho bà H quản lý, bà H có trách nhiệm hoàn lại ½ giá trị cho ông là 250.000.000 đồng.

+ Căn nhà và đất tọa lạc tại số 167, đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau do vợ chồng ông mua vào năm 1990, mua nhà cũ rồi xây cất lại. Hiện nay, ông và bà H đang sinh sống tại căn nhà và đất này. Giá trị nhà và đất này là 1.800.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nhận nhà và đất, ông đồng ý hoàn lại cho bà H ½ giá trị là 900.000.000 đồng.

+ 01 phần đất có chiều ngang 16m x dài 40m tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nguồn gốc trước đây là do ông tạo lập. Phần đất này đã được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông (bà) Lê Thành B và Phạm Kim H vào năm 2003 (Trước đây phần đất này do một mình ông đứng Tn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp năm 2003 là cấp đổi, chuyển mục đích). Tại thời điểm năm 2003 thì hộ gia đình của ông gồm: Lê Thành B, Phạm Kim H cùng các con là: Lê Hữu N, Lê Kim D và Lê Kim L. Ông xác định phần đất này không có liên quan đến các con của ông, là tài sản chung của ông với bà H. Phần đất này ông không yêu cầu định giá, trước đây ông có đưa ra mức giá đối với phần đất này là 08 tỷ, nay ông xác định yêu cầu áp giá nhà nước tại thời điểm hiện nay để giải quyết án. Phần đất này hiện do vợ chồng ông Bùi Thanh T và bà Nguyễn Như Y T để làm cơ sở kinh doanh. Khi ly hôn, ông yêu cầu chia đôi phần đất này, ông và bà H mỗi người quản lý ½ diện tích đất.

+ Căn nhà và đất tọa lạc tại số 290D, đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Giá trị hiện nay khoảng 1.400.000.000 đồng; 01 nền nhà ở khu Hoàng Tâm, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, trị giá khoảng 700.000.000 đồng. Nguồn gốc là vào năm 2003, bà H tự Y bán phần đất ngang 08m x dài 50m tại xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (phần đất này mua cùng thời điểm với phần đất ngang 16m x dài 40m tại xã L, thành phố C) để mua nhà và đất tại số 290D, đường Q, khóm B, phường N, thành phố C và 02 nền nhà khu H, ấp B, xã L, thành phố C. Bà H tự đứng Tn quyền sở hữu các tài sản này. 02 nền nhà Khu H thì bà H đã cho con trai Tn Trần Hoàng N 01 nền, phần này ông không yêu cầu. Khi lý hôn, ông yêu cầu chia đôi tài sản chung là căn nhà và đất tọa lạc tại số 290D, đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau và 01 nền nhà còn lại tại khu H, ấp B, xã L, thành phố C. Ông đồng ý giao nhà và đất này cho bà H quản lý, bà H có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị cho ông là 1.005.000.000 đồng.

+ 01 lượng vàng 24K và 01 hột xoàn trị giá khoảng 200.000.000 đồng, bà H đang quản lý. Khi lý hôn, ông yêu cầu chia đôi giá trị tài sản này.

+ Tiền cho T căn nhà số 42, đường L, khóm M, phường T, thành phố C, ông và bà H cho vợ chồng bà Trần Thị T từ năm 1995 để bán nước tương và nước mắm. Từ năm 1999 đến nay là 20 năm, bà H tự Y T tiền cho T và chi xài cá nhân, bình quân mỗi tháng giá T là 2.500.000 đồng, tính đến nay số tiền T là 600.000.000 đồng. Khi lý hôn, ông yêu cầu bà H phải giao lại cho ông $\frac{1}{2}$ số tiền là 300.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Phạm Kim H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lê Thành B chung sống vợ chồng với nhau từ khoảng năm 1977, không nhớ rõ có đăng ký kết hôn hay không. T quá trình chung sống giữa bà và ông B có mâu thuẫn chủ yếu là về tiền bạc nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nên bà không đồng ý lý hôn. Hiện nay, mặc dù bà và ông B sống chung nhà vợ chồng sinh hoạt riêng đã lâu.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung Tn Lê Hữu N – sinh năm 1979, Lê Kim D – sinh năm 1980 và Lê Kim L – sinh năm 1983. Nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, bà và ông B tạo lập được các tài sản chung gồm:

+ Căn nhà và đất tọa lạc tại số 167, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Giá trị ông B đưa ra là 1.800.000.000 đồng thì bà thống nhất.

+ Căn nhà và đất tọa lạc tại số 42, Đường L, khóm M, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Nay là khóm N, phường T, thành phố C). Giá trị nhà đất ông B đưa ra là 500.000.000 đồng thì bà không thống nhất, bà không rõ giá trị là bao nhiêu, bà không đưa ra mức giá, không yêu cầu định giá nhưng theo bà giá trị nhà đất này không đến 500.000.000 đồng.

+ 01 phần đất ngang 16m x dài 40m tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau, hiện đang cho T. Phần đất này bà không đưa ra mức giá và không yêu cầu định giá.

+ 01 lượng vàng 24k, bà đang quản lý.

Các tài sản này là tài sản chung của vợ chồng bà và ông B, ngoài ra không có tài sản chung nào khác. Bà không đồng ý chia tài sản chung vì hiện nay ông B đã lớn tuổi, mọi sinh hoạt của ông B đã có các con lo chu đáo, ông B không có lý do gì để yêu cầu chia tài sản chung này.

- Đối với các tài sản gồm:

+ Căn nhà và đất số 290D, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng của bà, do con gái Lê Kim L mua, tặng cho riêng bà.

+ 01 phần đất ở khu H, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau là tài sản riêng của bà và con trai Lê Hữu N. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng phần đất này thì ông B đã bỏ nhà đi. Phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất trống, bà không nhớ rõ diện tích đất.

+ 01 hột xoàn trị giá khoảng 200.000.000 đồng là của con gái Lê Kim D tặng cho riêng bà.

Các tài sản này là tài sản riêng của bà nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông Lê Thành B.

- Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh T, bà Nguyễn Như Y trình bày: Ngày 07/9/2019 vợ chồng ông bà có T của vợ chồng ông Lê Thành B, bà Phạm Kim H 01 phần đất tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C có chiều ngang 16m x dài 40m, thời hạn T là 10 năm, giá T điều chỉnh theo từng năm được ghi cụ thể T hợp đồng T. Khi T trên phần đất chỉ là đất trống, vợ chồng ông bà phải bỏ công san lấp và xây dựng nhà, sử dụng làm nơi kinh doanh vật dụng trang trí nội thất. S hợp Tòa án giải quyết cho ông B, bà H lý hôn và phân chia tài sản chung đối với phần đất này thì ông bà yêu cầu bên nhận đất có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng T đã ký. Nếu phần đất được giải quyết chia đôi thì ông bà yêu cầu bồi thường theo thỏa Tận tại hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, ông Trần Văn S trình bày: Vào khoảng năm 2000, vợ chồng ông bà T căn nhà số 42, Đường L, khóm M, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm N, phường T, thành phố C) của vợ chồng ông Lê Thành B, bà Phạm Kim H. Khi T không có làm hợp đồng, giá T là 3.500.000 đồng/tháng. Khi T đã có sẵn nhà trên đất. Từ khi T đến nay ông bà không có sửa chữa căn nhà. S hợp Tòa án giải quyết cho ông B, bà H lý hôn, chấm dứt hợp đồng T thì ông bà không có yêu cầu gì, nếu cho T tiếp thì ông bà đồng ý. Ông bà xác định không có yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng T nhà T vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân; Thay đổi một phần khởi kiện về chia tài sản chung, cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu nhận nhà và đất số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C, hoàn lại cho bị đơn ½ giá trị là 250.000.000 đồng; Đồng ý giao căn nhà và đất số 167, Đường Q, khóm B,

phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho bị đơn quản lý sử dụng, buộc bị đơn có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ giá trị là 900.000.000 đồng; Rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung đối với: 01 phần đất có chiều ngang 16m x dài 40m tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 290D, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 nền nhà tại khu H, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 lượng vàng 24K và 01 hột xoàn trị giá khoảng 200.000.000 đồng; Tiền cho T căn nhà số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau phát biểu Y kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng T quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay là đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thành B được lý hôn với bà Phạm Kim H.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung:

- + Giao căn nhà và đất tọa lạc tại số 167, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho ông Lê Thành B quản lý, sử dụng. Ông B có trách nhiệm hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất cho bà H với số tiền 900.000.000 đồng.

- + Giao căn nhà và đất tại số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho bà Phạm Kim H quản lý, sử dụng. Bà H có trách nhiệm hoàn lại cho ông B $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất với số tiền 250.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung là 01 phần đất có chiều ngang 16m x dài 40m tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 290D, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 nền nhà tại khu H, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 lượng vàng 24K và 01 hột xoàn trị giá khoảng 200.000.000 đồng; Tiền cho T căn nhà số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C. Do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Phạm Kim H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Như Y và bà Trần Thị T, ông Trần Văn S yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nguyên đơn ông Lê Thành B rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung gồm: 01 phần đất có chiều ngang 16m x dài 40m tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 290D, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 nền nhà tại khu H, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 lượng vàng 24K và 01 hột xoàn trị giá khoảng 200.000.000 đồng; Tiền cho T căn nhà số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được

chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Thành B và bà Phạm Kim H chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1977, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thành B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H ngược đãi, nhục mạ ông, quản lý hết tiền bạc, không lo lắng cho ông. Ông và bà H chung sống một nhà tại số 167, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau nhưng mạnh ai nấy sống, nấu cơm ăn riêng, không trò chuyện, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Sự việc phát sinh mâu thuẫn kéo dài khoảng hơn 20 năm cho đến nay. Ông B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với bà H. Bà H xác định nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là về tiền bạc nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, bà và ông B sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng đã lâu. Nay ông B yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý. Thấy rằng, ông Lê Thành B và bà Phạm Kim H thống nhất xác định, mặc dù hiện nay vợ chồng sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng đã lâu, ông Lê Thành B đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H và đã được Tòa án đình chỉ với lý do rút đơn khởi kiện để hàn gắn nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Ông B, bà H không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành B được ly hôn với bà Phạm Kim H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung Lê Hữu N – sinh năm 1979, Lê Kim D – sinh năm 1980 và Lê Kim L – sinh năm 1983. Nay các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Lê Thành B và bà Phạm Kim H thống nhất xác định, quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được các khối tài sản chung gồm:

- 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 167, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nguồn gốc căn nhà và đất là do ông B, bà H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Hồng C và bà Tiêu Thị G vào năm 1991. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì ông C, bà G đã được Sở Xây dựng tỉnh Minh Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất. Ông B, bà H quản lý, sử dụng đến khoảng năm 2017 – 2018 thì sửa chữa xây cất lại căn nhà. Hiện trạng căn nhà gồm nhà trước nhà sau, 01 trệt 01 lầu. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không đồng ý đo đạc, về giá trị nhà và đất này thì ông B, bà H thống nhất thỏa Tận giá là 1.800.000.000 đồng.

- Căn nhà và đất tại số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Phần đất này là đất ven sông nên không được cấp quyền sử dụng đất. Cơ quan đo đạc không xác định được số thửa, tờ bản đồ của phần đất này, đất nằm trong quy hoạch nên không đo đạc được, không có số liệu diện tích đất. Trên đất có 01 căn nhà được xây dựng năm 1990, hiện đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng. Ông B và bà H không yêu cầu định giá, ông B đưa ra mức giá nhà và đất là 500.000.000 đồng; Bà H không đưa ra mức giá và cũng không đồng ý với mức giá 500.000.000 đồng vì bà H cho rằng giá trị nhà đất này thấp hơn nhiều so với

mức giá ông B đưa ra.

Thấy rằng, 02 khối tài sản này là tài sản chung của ông B, bà H tạo lập T thời kỳ hôn nhân, do đó ông B yêu cầu chia tài sản chung là có cơ sở để chấp nhận. Xét thấy, căn nhà và đất số 42, đường L, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau hiện nay vợ chồng ông Trần Văn S, bà Trần Thị T đang T. Ông S, bà T không có yêu cầu gì đối với hợp đồng T nhà đất này. Xét thấy, phần đất này là đất ven sông, căn nhà hiện nay không còn giá trị, việc ông B yêu cầu nhận nhà và đất, hoàn lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất với số tiền 250.000.000 đồng là có lợi cho bà H và đảm bảo được quyền lợi của ông Lê Thành B. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông B, giao căn nhà và đất số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho ông B quản lý sử dụng. Ông B có trách nhiệm hoàn lại cho bà H $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản, tương đương số tiền 250.000.000 đồng.

Đối với căn nhà và đất số 167, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau, các đương sự thống nhất giá trị 1.800.000.000 đồng. Căn nhà và đất này hiện nay ông B và bà H đang quản lý sử dụng. Do ông B được nhận nhà và đất số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C nên cần tiếp tục giao nhà và đất số 167 này cho bà H quản lý, sử dụng là phù hợp, đảm bảo được quyền lợi của bà H. Bà H có trách nhiệm hoàn lại cho ông B $\frac{1}{2}$ giá trị khối tài sản này tương đương số tiền 900.000.000 đồng.

[5] Về nợ chung, nợ riêng: Ông B, bà H xác định không có.

[6] Đối với phần đất có chiều ngang 16m x dài 40m tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau hiện nay do vợ chồng ông Bùi Thanh T, bà Nguyễn Như T để xây dựng nhà, sử dụng làm nơi kinh doanh vật dụng trang trí nội thất. Liên quan đến phần đất này, do ông Lê Thành B đã rút yêu cầu nên ông Bùi Thanh T không có ý kiến và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với hợp đồng T căn nhà số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C vợ chồng bà Trần Thị T, ông Trần Văn S không yêu cầu Tòa án giải quyết, tự thỏa Tận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về chi phí tố tụng: Ông Lê Thành B đã dự nộp xong và không yêu cầu bà H hoàn trả nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi, Tộc S hợp miễn án phí theo quy định pháp luật và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, 219 Bộ luật dân sự; Điều 56, 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thành B được ly hôn với bà Phạm Kim H.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung:

+ Căn nhà và đất tọa lạc tại số 167, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau, ông Lê Thành B và bà Phạm Kim H mỗi người được nhận 50% khối tài sản có giá trị 1.800.000.000 đồng.

Giao toàn bộ căn nhà và đất tọa lạc tại số 167, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho bà Phạm Kim H tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà Phạm Kim H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lê Thành B số tiền 900.000.000 đồng.

+ Căn nhà và đất tọa lạc tại 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau, ông Lê Thành B và bà Phạm Kim H mỗi người được nhận 50% khối tài sản có giá trị 500.000.000 đồng.

Giao toàn bộ căn nhà và đất tọa lạc tại 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau cho ông Lê Thành B quản lý, sử dụng. Ông Lê Thành B có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Phạm Kim H số tiền 250.000.000 đồng.

- Về nợ chung và nợ riêng: Không có.

Đối trừ các khoản ông Lê Thành B và bà Phạm Kim H phải hoàn trả cho nhau. Bà H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông B tổng số tiền 650.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thành B về việc chia tài sản chung gồm: 01 phần đất có chiều ngang 16m x dài 40m tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 căn nhà và đất tọa lạc tại số 290D, Đường Q, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 nền nhà tại khu Hoàng Tâm, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; 01 lượng vàng 24K và 01 hột xoàn trị giá khoảng 200.000.000 đồng; Tiền cho T căn nhà số 42, Đường L, khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Về án phí: Ông Lê Thành B và bà Phạm Kim H được miễn án phí theo quy định pháp luật.

S hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án T thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án T thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 5, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kiều Trang